



DOI:10.22144/ctu.jvn.2016.557

QUAN NIỆM CỦA TRẦN NGUYỄN ĐÁN VỀ GIÁO DỤC, KHOA CỬ VÀ VIỆC TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI

Vũ Văn Long

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Thông tin chung:

Ngày nhận: 02/06/2016

Ngày chấp nhận: 27/10/2016

Title:

Tran Nguyen Dan's, opinions on education, civil service examination and the promote talents

Từ khóa:

Giáo dục, Thi cử, Tuyển chọn nhân tài, Trọng dụng nhân tài

Keywords:

Education, Examination, Recruitment of talented people, Culture of talent

ABSTRACT

Tran Nguyen Dan (1325-1390) was a patriot intellectual, a typical political activist, a great personality, a devoted man who always took care of the interests of the people. Throughout his life, he always encouraged and supported the development of Vietnamese Confucian education. He considered "Trung, Hiếu" as moral standards for the contemporary ideal person. The article concentrates on discussing Tran Nguyen Dan's opinions on education, civil service examination and the supports for talented people in order to assert his contributions to Tran dynasty's ideology and literature.

TÓM TẮT

Trần Nguyễn Đán (1325-1390) là một nhà trí thức dân tộc, nhà hoạt động chính trị tiêu biểu, một nhân cách lớn, một con người luôn quan tâm chăm lo lợi ích của nhân dân. Suốt đời mình, ông luôn chủ trương cổ vũ, ủng hộ phát triển nền giáo dục Nho giáo, lấy "trung, hiếu" làm chuẩn mực đạo đức cho mẫu người lí tưởng của thời đại. Bài viết tập trung luận giải quan niệm của Trần Nguyễn Đán về giáo dục, khoa cử và trọng dụng nhân tài, qua đó, có thể khẳng định được tầm vóc và những đóng góp của ông cho lịch sử tư tưởng và văn chương thời Trần.

Trích dẫn: Vũ Văn Long, 2016. Quan niệm của trần nguyên đán về giáo dục, khoa cử và việc trọng dụng nhân tài. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 46c: 55-61.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống” (Thân Nhân Trung). Ngay từ nửa cuối thế kỷ XIV, nhận thức được ý nghĩa này, Trần Nguyên Đán (1325-1390) đã ra sức cổ vũ phát triển nền giáo dục Nho giáo, tích cực đề xuất các ý kiến với triều đình về việc tổ chức thi cử, tuyển chọn và trọng dụng nhân tài để phát triển đất nước. Quan niệm của Trần Nguyên Đán được xem là điểm sáng trong bối cảnh suy thoái và khủng hoảng của xã hội cuối đời Trần, tuy chưa tạo được tính đột phá, có sức ảnh hưởng lớn

và sâu sắc trong đời sống xã hội, nhưng hạt nhân cốt lõi của quan niệm này lại cho thấy tầm nhìn xa trông rộng của người trí thức dân tộc luôn canh cánh một nỗi niềm vì nước, vì dân. Xuất phát từ những điểm nhìn khác nhau do hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội của các thời đại mà tới nay vẫn còn tồn tại một số ý kiến đánh giá khác nhau về Trần Nguyên Đán. Bài viết sẽ tập trung lí giải quan niệm của Trần Nguyên Đán về giáo dục, khoa cử và việc trọng dụng nhân tài để giúp bạn đọc có cái nhìn chân xác hơn về tư tưởng, nhân cách người trí thức, một nhà thơ tiêu biểu trong văn học thời văn Trần.

2 NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1 Quan niệm của Trần Nguyên Đán về giáo dục

Trần Nguyên Đán (1325-1390) hiệu là Băng Hồ, thuộc dòng dõi quý tộc nhà Trần, quê ở hương Tức Mặc, lộ Thiên Trường (Nam Định). Ông làm quan từ rất sớm, theo quy chế “tập ẩm” không qua thi cử. Theo *Nam ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng, suốt thời gian trị vì của Trần Dụ Tông (1341-1369), Trần Nguyên Đán giữ chức Ngự sử đại phu, là thuộc viên ở Ngự sử đài (Hồ Nguyên Trừng, 1999, tr. 126), một cơ quan trọng yếu của triều đình. Tuy chỉ làm một chức quan nhỏ, chưa có tầm ảnh hưởng lớn, song Trần Nguyên Đán đã bắt đầu có những hoạt động quan tâm đến giáo dục.

Hoạt động đầu tiên của Trần Nguyên Đán được ghi nhận thuộc về giáo dục. Ngay từ khi còn rất trẻ, chưa đầy 20 tuổi, mới chỉ làm chức quan thuộc viên rất nhỏ ở Ngự sử đài, Trần Nguyên Đán đã sớm bộc lộ phẩm chất của một bậc hiền tài, người trí thức dân tộc, am hiểu sâu sắc học vấn Nho gia, có tầm nhìn về giáo dục và vai trò quan trọng của nho sĩ đối với sự phát triển ổn định của quốc gia. Do đó, ông được xem là một trong những người tích cực cổ vũ, tôn sùng đạo Chu - Khổng; vui mừng phấn khởi khi thầy Chu Văn An ra nhận chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám; xem việc Minh Tông có được thầy đứng ra chăm lo sự nghiệp giáo dục chẳng khác nào đất nước có thêm bậc Thái Sơn, Bắc Đẩu... ra giúp đời; các vua chỉ việc “ngồi rủ xiêm trị nước”, quốc gia tất thịnh trị, nhân dân sẽ có cuộc sống an bình hạnh phúc:

Học hải hồi lan tục tái tuần,
Thượng tường Sơn Đẩu đắc tư nhân.
... Huân hoa chỉ thị thù thường trị,
Tranh đắc Sào, Do tác nội thần!
(Hạ Chu Tiều Ân tiên sinh bá Quốc tử giám
Tư nghiệp)

(Thối thuần biển học, sóng tài xoay/ Sơn, Đẩu trường cao được đón thầy/... Nghiêu, Thuấn rủ xiêm thành thịnh trị/ Sào, Do đâu có chịu ra tay – Mừng ông Chu Tiều Ân được bổ chức Tư nghiệp Quốc tử giám), (Đào Phương Bình, 1978, tr. 164).

Thái độ của Trần Nguyên Đán trước một sự kiện trọng đại về giáo dục của triều đình và đất nước, cho thấy những quan niệm tích cực, thể hiện tầm nhìn mang tính thời đại của một nhà tư tưởng. Thứ nhất, chỉ có người tài mới phát hiện và đào tạo được người tài. Việc thầy Chu được mời vào cung, làm “xoay làn sóng biển học”, “thuần hậu phong tục” hẳn xuất phát từ quan niệm này. Thứ hai, muốn tập trung quyền lực, quan liêu hóa bộ máy

nhà nước phải xem trọng nhân tài xuất thân từ nghiệp. Thứ ba, để chăm lo tốt hơn cho đời sống của nhân dân, đất nước cần phải tổ chức được một nền giáo dục thống nhất, rộng mở; mọi người được học hành, biết chữ; ai cũng có điều kiện để bộc lộ tài năng:

Đầu tướng từng thân giai thức tự,
Lại viên tượng thị diệc năng thi.
(Đề Quan Lỗ Bạ thi hậu tập)

(Tướng võ, quan hầu đều biết chữ/ Thợ thuyền, thư lại cũng hay thơ - Đề sau tập thơ Quan Lỗ Bạ), (Đào Phương Bình, Nguyễn Đức Vân, 1978, tr. 196).

Quan niệm này đủ cho chúng ta thấy tầm nhìn, tầm tư tưởng của Trần Nguyên Đán sâu sắc tới mức nào. Trần Nguyên Đán không chỉ suy nghĩ cho hiện tại mà còn cho cả tương lai. Ông mong muốn thống nhất một xã hội học tập, xã hội chăm lo cho giáo dục; xã hội ai cũng được học hành, bộc lộ tài năng, đóng góp công sức cho đất nước; không phân biệt tướng võ hay quan hầu, thư lại, thợ thuyền hay binh dân... Với Trần Nguyên Đán, đây chính là cơ sở quan trọng, thống nhất để hình thành lớp nhân tài mới, những người có đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu đổi mới của xã hội trong hiện tại và tương lai.

Như vậy, giáo dục đối với Trần Nguyên Đán trở thành sự nghiệp, sự quan tâm trọn vẹn gần cả cuộc đời. Như chúng ta đã biết, trong tất cả hệ thống tri thức đương thời, Trần Nguyên Đán đặt vấn đề quan tâm tới Nho giáo nhiều hơn cả. Quan tư đồ không những tích cực cổ vũ, ủng hộ bằng quan điểm và lời nói mà còn rất tích cực bằng các hành động và việc làm cụ thể. Có lẽ theo ông, phát triển giáo dục chính là chìa khóa của bài toán khắc phục sự suy thoái và khủng hoảng của xã hội cuối đời Trần. Trong bài thơ Tặng Mẫn Túc (Tặng Mẫn Túc), ông viết:

Khuyến nữ cần phùng học Chu, Khổng,
Khoa kỳ đầu xảo hữu như vô.

(Khuyến người chăm học Khổng, Chu/ Ganh khôn đua lạ cái trò ra chi), (Trần Lê Sáng, 1978, tr. 182).

Sau này cũng vậy, dù gặp nhiều chuyện xảy ra ngoài ý muốn, Trần Nguyên Đán đã từ quan, rời bỏ nơi phồn hoa đô hội về với chốn non xanh nước bạc ẩn cư, mang theo tâm sự u uất của “kẻ sĩ bất đắc chí”, nhưng ngôi nhà nhỏ bên sông của ông, cửa vắn luôn rộng mở đón chào lớp lớp các nho sinh:

Kích hạ nhiêm nô xiết cảnh linh,
Xuất môn hỉ tiếp từ khâm thanh.

(Cửu nguyệt hữu nhân lai phỏng đồng tác)

(Ngoài cửa quân hầu báo hiệu chuông/ Trước hiên mừng đón khách văn chương (nho sĩ) – Tháng chín có người đến thăm cùng làm thơ), (Nguyễn Xuân Tảo, 1978, tr. 161).

“Từ khâm thanh”, những người hầu hết là nho sĩ chưa thành danh, được Trần Nguyên Đán xem như những bậc thượng khách tâm giao, với niềm kỳ vọng họ sẽ là lớp người mới, có đủ tài năng đức độ, có bản lĩnh gánh vác trọng trách đất nước:

An dân tế vật chừ công sự,
Trạch bạn hành ngâm mặc tự cô.

(Họa Hồng Châu Kiểm chính vận)

(Giúp đời các vị chăm lo lấy/ Ngâm vịnh bên chằm há lẽ loi – Họa bài thơ của viên Kiểm chính ở Hồng Châu), (Nguyễn Đức Vân, 1978, tr. 201).

Theo chúng tôi, quan tâm đến giáo dục không phải là hoạt động trọng tâm chính trong toàn bộ sự nghiệp của Trần Nguyên Đán, nhưng vẫn được ông nhắc đến một cách đầy tự hào:

Thiên kim nan mãi hảo thu sắc,
Nhất khứ bất hồi nhân tuế hoa.
Văn cúc tảo mai tân phú quý,
Thanh đăng hoàng quyển cựu sinh nhai.

(Cửu nguyệt tam thập nhật dạ hữu cảm)

(Sắc thu đẹp, ngàn vàng khó mua/ Thời gian nhân phí một đi không trở lại/ Cảnh cúc tàn, mai sớm, lại có cảnh phú quý mới/ Đèn xanh, sách vàng vốn là nghiệp cũ – Cảm xúc đêm ba mươi tháng chín), (Nguyễn Đức Vân, 1978, tr. 153).

Với tư duy của người có trách nhiệm, có khả năng nắm bắt xu thế vận động của lịch sử, quan niệm của Trần Nguyên Đán thể hiện mong muốn về một nền giáo dục rộng mở, thống nhất, tạo điều kiện cho mọi người đều được học tập, phát triển tài năng. Đó cũng là căn cứ để triều đình hệ thống hóa việc tổ chức thi cử, tuyển chọn nhân tài, quan liêu hóa bộ máy, nhằm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng và chuẩn bị cho các yêu cầu mới của xã hội trong tương lai. Quan niệm của Trần Nguyên Đán cũng cho thấy mong muốn bức thiết hiện thời của các bậc nhân sĩ trí thức dân tộc, tạo tiền đề cơ sở quan trọng thúc đẩy cải cách giáo dục, khoa cử và việc trọng dụng nhân tài của đất nước cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV.

2.2 Quan niệm của Trần Nguyên Đán về khoa cử

Là người có vốn Nho học uyên bác, có khả năng nắm bắt và lí giải thấu đáo các vấn đề của thực tiễn, cùng kinh nghiệm nhiều năm làm việc ở

Ngự sử đài, Trần Nguyên Đán nhận thấy tình trạng bất ổn trong đội ngũ quan lại, thuộc viên, những người làm việc trong bộ máy của triều đình. Tình trạng này không chỉ đến thời vua Trần Dụ Tông mới xảy ra mà ngay từ thời vua Trần Minh Tông đã xuất hiện. Chuyện kể, vào sáng sớm mùa thu, tháng 7 năm Nhâm Ngọ (1342), Thượng hoàng Minh Tông đến thăm Ngự sử đài, mãi tới khi ra về bọn Giám sát Ngự sử đài là Doãn Định và Nguyễn Như Vi mới đến. Họ đã không nhận tội trể biếng công việc mà còn dâng sớ kháng nghị, nói: “Thượng hoàng không được vào Ngự sử đài” và hặc tội luôn cả mấy thuộc viên cấp dưới, những người có mặt tiếp đón Thượng hoàng, biết việc mà không can ngăn. Với phong thái nhân từ, khoan hòa, độ lượng và học vấn sâu rộng của bậc đế vương, Minh Tông dụ rằng: “Ngự sử đài cũng là một trong các cung điện, chưa từng có cung điện nào mà thiên tử không được vào. Và lại, Ngự sử đài xưa kia còn có chỗ để thiên tử giảng học. Các bạ thư chi hậu dâng hầu bút nghiên ở đó cả. Đó là việc cũ thiên tử vào Ngự sử đài. Ngày xưa Đường Thái Tông còn xem Thực lục, hoàng chi là vào đây”. Đám người này “còn cố cãi, mấy ngày vẫn không thôi”. Minh Tông dụ hai, ba lần bọn chúng vẫn không nghe, đành phải bãi chức cả. (Ngô Sĩ Liên, 2009, tr. 160). Câu chuyện, cho thấy những kẻ giỏi văn chương mà thiếu đức độ, phạm thượng như bọn Định, Vi... để lại phỏng có ích gì? Đó là những mầm mống hại nước, hại dân cần phải được loại bỏ. Lại thêm chuyện đời Dụ Tông, bọn lộng thần hoành hành, chính sự đổ nát, thầy Chu Văn An phải ngâm ngùi từ quan, khi *Thất trăm sớ* của ông không được vua để mắt tới.

Ở đây, vấn đề đạo quân thần, nghĩa vua tôi, lòng trung thành, tận tụy của kẻ bề tôi cần được xem xét: Nguyên nhân chính xuất phát từ đâu? Bởi đức của người quân tử hay việc lỗi đạo của kẻ bề tôi? Vốn thuộc dòng dõi quý tộc, lại là người am hiểu lí lẽ, Trần Nguyên Đán cảm thấy rất lo lắng cho vận mệnh của vương triều và đất nước, bất bình thay cho những bậc trung thần như thầy Chu Văn An... Trong cuộc “*thi nhân sĩ lấy người có văn chương bổ sung vào các quán, thi lại viên, lấy người có chữ tốt để bổ làm thuộc viên ở sảnh, viện.*” (Phan Huy Chú, 2007, tr. 671) được triều đình tổ chức vào năm Đại Trị thứ 6 (1363), Trần Nguyên Đán đã mạnh dạn kiến nghị, bày tỏ quan điểm với các quan chủ khảo trường thi về việc tuyển chọn nhân tài của triều đình:

Ngọc thạch tối nghi khu biện biệt,
Loan kê nhần sử tịnh phi tường....
Thiên chiếu đình ninh dung bác thủ,
Yến tiên trung đảng hậu từ chương.

(Dùng Hồng Châu Đồng úy Phạm Công vận
phụng trình khảo thí công)

(Ngọc hay đá phải phân biệt cho rõ/ Đùng để
phượng với gà há bay chung với nhau/... Chiếu
vua cần kẻ cho phép lấy rộng/ Trước phải xem
phần trung chính, sau hãy xét đến văn chương -
Dùng văn thơ của quan Đồng úy Hồng Châu là
Phạm Công để đưa trình các ông đang chấm thi),
(Đào Phương Bình, 1978, tr. 174).

Ý kiến chân thành của Trần Nguyên Đán chắc
chắn sẽ có tác động tích cực đến những vị quan
được triều đình giao trọng trách tổ chức thi cử vào
thời điểm bấy giờ, đặt ra yêu cầu cho họ phải thay
đổi tư duy, thay đổi cách thức tuyển chọn nhân tài.
Bởi lẽ, theo chúng tôi vào khoảng những năm Đại
Trị (1358-1369), đời vua Dụ Tông, ngoài Chu Văn
An,... thì không có mấy ai quan tâm bày tỏ quan
điểm về thi cử và tuyển chọn nhân tài như Trần
Nguyên Đán.

Kiến nghị của Trần Nguyên Đán ở đây đặc biệt
chú trọng đến cách thức tuyển chọn nhân tài. Ông
lưu ý các quan chấm thi, nhân tài được tuyển chọn
phải là những người hội tụ đầy đủ các phẩm chất
“trung đẳng” và “tử chương”. Có nghĩa là nhân tài
vừa phải có phẩm chất tốt thuộc về đạo đức, như
tâm lòng trung chính, nhân hậu, tận tụy và trách
nhiệm với công việc; vừa phải giỏi “tử chương”,
như văn hay chữ tốt; thông hiểu luật pháp, kinh
sách, có tài viết lách... Trong những phẩm chất
này, Trần Nguyên Đán nhấn mạnh và xem trọng
đến “đạo đức”, “lòng trung” của nhân tài nhiều
hơn. Đó cũng là yêu cầu và chuẩn mực của nhà
nho, những người xứng đáng được tuyển dụng vào
triều đình làm quan, thực hiện sứ mệnh giáo hóa,
giúp vua làm cho dân cường nước thịnh. Dĩ nhiên,
theo chúng tôi kiến nghị của Trần Nguyên Đán
không chỉ giới hạn trong phạm vi kì thi tuyển chọn
nhân tài của triều đình để bổ sung vào các sảnh,
viện, đài... mà còn mong muốn xây dựng nên một
hệ thống chuẩn mực mang tính quy chế chung cho
các kì thi tiếp theo; góp phần vào việc định hướng
mục tiêu rèn luyện, phấn đấu cho người học; đào
tạo ra các thế hệ nho sĩ tài năng, đáp ứng yêu cầu
phát triển của đất nước trong điều kiện hiện tại và
tương lai.

Các ý kiến của Trần Nguyên Đán còn được
quan tâm, thể hiện trực tiếp, mạnh mẽ và hiệu quả
hơn nữa kể từ khi ông được triều đình trọng dụng,
phong chức Tư đồ phụ chính (1371). Ở vị thế mới
của một bậc công thần quyền uy, các ý kiến của
Trần Nguyên Đán sẽ có tầm ảnh hưởng lớn hơn,
trở thành quan điểm chỉ đạo trong các kì thi tuyển
nhân tài của đất nước. Tuy nhiên cách thể hiện
quan điểm của vị quan Tư đồ này lại rất tế nhị. Một

mặt với chức trách của vị quan đầu triều, phụ trách
mảng “ngoại giao, văn hoá, lễ nghi” (Trần Thuận,
2014, tr. 17) bao gồm cả giáo dục, Trần Nguyên
Đán sẽ phải có ý kiến trình lên triều đình về mảng
công việc của ông phụ trách. Mặt khác, ông cũng
lại muốn được hòa đồng, gần gũi, chân thành để
tìm hiểu hơn tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của
mọi người. Ông làm thơ để thổ lộ tâm tình, trao
đổi, góp ý bày tỏ quan điểm với các quan chủ khảo
trường thi; tham gia vào cuộc họa thơ cùng các nho
sinh, tranh thủ sự gần gũi để động viên, khích lệ,
trao gửi niềm tin tưởng, tạo tâm thế tích cực cho
học trò trong kì thi sắp tới.

Những sự việc này được diễn ra trước thời
điểm kì “thi đình cho các tiến sĩ” (Ngô Sĩ Liên,
2009, tr. 197) vào năm Long Khánh (1374), tổ
chức tại Phủ Thiên Trường, hành cung của nhà
Trần, năm này Nguyễn Phi Khanh cũng tham dự và
thi đỗ tiến sĩ.

Quan tâm tới các nho sinh, Trần Nguyên Đán
lấy tư cách của quan Tư đồ, của một bậc túc nho
giản dị, chân thành, hòa mình vào cuộc họa thơ của
họ để thăm hỏi, động viên, bày tỏ khát vọng, niềm
tin tưởng:

Hán Đường nhị Tống hựu Nguyên Minh,
Lệ thiết từ khoa tuyển tuần anh.
Hà tự thánh triều cầu thực học,
Đương tri vạn thế tuyệt cơ bình.
Điện thâm ất dạ quan thư bãi,
Nguyệt mãn thu phong túc vũ tình.
Nhất chú nự hương thông đế khuyết,
Nguyễn văn trung hiếu Trang nguyên danh.

(Canh thí cục chư sinh xướng thù giai vận)

(Hán, Đường, Bắc Tống, Nam Tống, đến
Nguyên Minh/ Lệ đặt các khoa từ chương để chọn
người hiền tài/ Sao giống thánh triều ta chỉ cầu
thực học/ Phải biết đó là để cho muôn đời sau dứt
tiếng chê bai/ Canh hai, trong điện sâu xem sách
vừa xong/ Trăng tròn, gió thu thổi, trận mưa đã
tạnh/ Đốt nén hương vua, thắp đèn cửa thượng đế/
Mong được nghe tên vị Trang nguyên, trung, hiếu -
Họa văn thơ bài thơ xướng họa của các thí sinh ở
trường thi), (Trần Lê Sáng, 1978, tr. 193).

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, việc làm của
Trần Nguyên Đán đã cho thấy hình ảnh một vị
quan gần gũi, chân tình và cởi mở. Ông vừa làm
nhiệm vụ chuyển tải thông điệp của bậc lão thần,
cam kết về một kì thi Thái học sinh nghiêm túc,
quy củ và công bằng; vừa đặt ra yêu cầu với những
người xứng danh bảng vàng, phải là những nho
sinh hội tụ đầy đủ các phẩm chất “hiếu trung” và

“thực học”; đồng thời qua cuộc gặp gỡ cũng là để xoá đi trong các nho sinh dư luận không hay dưới thời Dụ Tông về một số việc, như : thầy Chu Văn An chính trực phải từ bỏ quan trường, hay những kẻ ham cờ bạc, khéo “bồi đồng” như Bùi Khoan, xảo trá như thầy thuốc “dâm dật” Trâu Canh được triều đình đại dụng,... (Trần Lê Sáng, 1982, tr. 66); loại bỏ mỗi nghi ngờ lâu nay về “tình trạng mua quan bán tước” (Nguyễn Hoàng Thân, 2007, tr. 22) có thể xuất phát từ chính sách của Trần Duệ Tông vào tháng 8 năm 1373, do ngân khố trống rỗng, vua “Ra lệnh cho quân và dân nộp thuế cho nhà nước, (người nộp được) ban tước theo thứ bậc khác nhau.” (Ngô Sĩ Liên, 2009, tr. 179) đã có lần quan Tư đồ bày tỏ với vua trong bài thơ Cử nguyệt đối cức canh ngự chế thi vận (Tháng chín ngắm cức họa bài thơ của nhà vua) : “Đồng xú kim do hãn sử bình” (Hơi đồng hôi tanh sử xanh đã bình nay vẫn còn), (Đào Phương Bình, 1978, tr. 150); để thu hút thật nhiều người chính trực, liêm khiết, có tài năng thực sự thay đổi ý định, cố gắng tỏa sáng trong kì thi, để được triều đình tuyển lựa, tin tưởng giao phó các chức vị quan trọng của đất nước.

Tiếp đến vào mùa xuân, tháng 2, năm Giáp Tý (1384), sau 10 năm triều đình lại mở khoa thi Thái học sinh, tổ chức tại chùa Vạn Phúc, núi Tiên Du (Bắc Ninh). Thời gian này, Trần Nguyên Đán vẫn đảm đương trọng trách của vị quan Tư đồ, kiêm việc quản quân ở trấn Quảng Oai, nhưng lòng đã hướng về chốn núi rừng Côn Sơn - Chí Linh (Hải Dương) tìm cuộc sống an nhàn từ lâu. Ông cảm thấy mình thuộc về lớp người già nua, bệnh tật... không còn đủ sức để gánh vác trọng trách của triều đình nữa, nên rất mong qua kì thi này triều đình sẽ tiếp tục lựa chọn được lớp nho sĩ mới, những người tuổi trẻ, “có tài năng, có đạo đức để gánh vác sơn hà” (Nguyễn Hoàng Thân, 2007, tr. 22):

Danh đề ngọc khuyết huyền kim bảng,
Mã dục hoa cù phát cảm y.
Lão lẫn phóng dư quy Lục Dã,
Mưu mô đãi nữ nhập hoàng phi.

(Tứ tiến sĩ)

(Bảng vàng đề tên, treo trước cửa khuyết/ Đường hoa ngựa ruổi, áo gấm phát phơ/ Già nua biếng nhác, ta được thả về nhà Lục Dã/ Mưu lược lo toan, người chờ bước vào cửa vàng - Tặng tiến sĩ), (Đào Phương Bình, 1978, tr. 205).

Có thể thấy, quan niệm của Trần Nguyên Đán về tuyển chọn nhân tài cho đất nước, đã thực sự đi vào trọng tâm, phản ánh yêu cầu cấp thiết của thời đại, khát khao của nho sĩ, mong muốn của những con người có tâm với đất nước bấy giờ. Thời nào cũng vậy, nhân tài có vai trò rất quan trọng, quyết

định sự thịnh suy của mỗi quốc gia. Hơn bao giờ hết, trong hoàn cảnh đất nước khủng hoảng, việc thu hút được đông đảo lực lượng nhân tài cùng nhau phò giúp triều đình, chèo lái con thuyền đất nước lại càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Để ghi nhận về sự việc này, sách Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên đã phản ánh khá chi tiết, đây được xem là minh chứng cho niềm mong ước của Trần Nguyên Đán về sự tồn tại và vững mạnh của vương triều Trần cuối thế kỷ XIV.

2.3 Quan niệm của Trần Nguyên Đán về trọng dụng nhân tài

Lịch sử Việt Nam giai đoạn cuối đời Trần không chỉ ghi nhận sự khủng hoảng về đường lối chính trị, mà còn cho thấy sự thiếu nhất quán trong chính sách trọng dụng nhân tài của triều đình. Tình hình này cho thấy mỗi xung đột gay gắt của các lực lượng xã hội, chủ yếu giữa quý tộc và nho sĩ. Trong khi các nho sĩ đang ra sức cố gắng khẳng định vị thế, tài năng “định quốc an bang”, sẵn sàng nhập cuộc hành đạo, chấp nhận mọi thử thách để hướng tới mục đích cao đẹp phò vua giúp nước: “*Vạn lý ninh từ ngã bặc phu*” (Đường đi vạn dặm, dù thầy tớ mệt nhòai, đâu dám từ nan), (Nguyễn Phi Khanh, *Khách lộ*) thì quý tộc, đứng đầu là các vị hoàng đế cuối đời Trần lại chưa thực sự tin tưởng, giao trọng trách cho các nhà nho. Thậm chí triều đình còn xem một số trường hợp nhà nho là kẻ “cơ hội”: “bọn học trò mặt trắng tìm đường tiến thân” như Lê Quát và Phạm Sư Mạnh, hay “Bọn chúng có vợ giàu sang, như thế là kẻ dưới mà dám phạm thượng, bỏ không dùng.” (Ngô Sĩ Liên, 2009, tr. 214) như Nguyễn Ứng Long, Nguyễn Hán Anh. Còn có những trường hợp các bậc hoàng đế không xem trọng, bỏ qua ý kiến của các nhà nho chính trực, như Trương Đổ ba lần dâng sớ can ngăn vua Trần Duệ Tông không nên mang quân đi đánh giặc Chiêm bất thành; người học trò Nguyễn Mộng Hoa bắt chấp “đề cả mũ áo lội xuống nước kéo thuyền ngự lại, xin [thượng hoàng] ở lại đánh giặc, nhưng (thượng hoàng) không nghe”, (Ngô Sĩ Liên, 2009, tr. 211)...

Là người đã từng nhiều năm quan tâm đến giáo dục, khoa cử và đề xuất việc trọng dụng nhân tài, ủng hộ nho sĩ, Trần Nguyên Đán tỏ ra rất lo lắng trước những việc làm này, có lúc ông cũng tỏ ra buồn chán bất lực cho bản thân, cho các con cháu của ông về thái độ chưa coi trọng nhân tài của triều đình.

Là vị quan đầu triều, luôn được gần vua, chắc chắn Trần Nguyên Đán đã nhiều lần bày tỏ ý kiến, song kết quả không đạt được như mong đợi. Ông luôn cảm thấy chức quan Tư đồ của mình là hư danh, chỉ cố gắng gượng theo thời:

Y a thiệp thể đồ vi nhĩ,
Bạch thủ tông thần bất dữ mưu.
(Đáp Lương Giang Nạp ngôn bệnh trung)

(Dựa dẫm theo thời, qua chuyện mà thôi/ Bạch thủ tông thần bạch đầu không được dự mưu - Trả lời quan Nạp ngôn ở Lương Giang trong khi ốm), (Đào Phương Bình, 1978, tr. 189).

Cho nên, thái độ bất bình với cách xử sự thiếu nhất quán của triều đình đối với người có tài còn để lại dấu ấn sâu sắc trong từng trang thơ của Trần Nguyên Đán:

Nhất bồi cường túy thủy giai tiết,
Bất quản kiêm hà bạch lộ linh.
(Cửu nguyệt hữu nhân lai phỏng đồng tác)

(Một chén gương say để đáp lại tiết vui/ Chẳng ngại gì lau sậy có móc trắng rơi - Tháng chín có người đến thăm cùng làm thơ), (Nguyễn Xuân Tảo, 1978, tr. 162). Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Xuân Tảo, câu thơ trên được lấy ý từ Kinh Thi: “Kiêm hà thương thương, Bạch lộ vi sương” (Lau sậy xanh xanh/ Móc trắng thành sương), “chê Tân Tương Công không biết dùng người để trị nước”, Trần Nguyên Đán mượn đề tỏ ý phê phán “nhà vua không biết sử dụng người hiền tài”.

Việc đàn hặc, khuyên can vua là trách nhiệm của kẻ bề tôi, còn khi đứng ở vị trí quan đầu triều đối với cấp dưới, Trần Nguyên Đán vẫn phải thể hiện nhất quán quan điểm của mình, vừa để giữ thể diện cho triều đình, vừa mong muốn bày tỏ được quan điểm cá nhân trong phần việc phụ trách.

Trong thơ, Trần Nguyên Đán, nhân tài thường được gọi bằng các từ ngữ có ý nghĩa nhấn mạnh phẩm chất “tinh anh” của thời đại, như: “tuần anh”, “tuần sĩ”, “chí sĩ”, “anh tài”, “chim phượng”... Ở họ hội tụ đầy đủ phẩm chất và tài năng tốt đẹp. Một khi vượt qua các kì thi cử, sát hạch, họ xứng đáng nhận được sự trọng đãi cao nhất có thể từ triều đình.

Xuất phát từ tư duy này, đến kì thi Thái học sinh năm Giáp Tý (1384), quan Tư đồ tiếp tục gửi thơ cho các quan chủ khảo trường thi. Những điều Trần Nguyên Đán thổ lộ có thể chỉ mang tính “thù tặc”, nhưng lại có ý nghĩa thật lớn, nhận được sự chia sẻ, đồng cảm của những người đang trực tiếp thực thi nhiệm vụ của triều đình giao phó. Vì bản thân họ trước hết cũng là những bậc nhân tài của đất nước, hơn ai hết họ biết triều đình cần phải đối xử, trọng dụng họ như thế nào để nhận lại được sự trọng thành, tận tụy:

...Thặng hỉ anh tài quy tảo giám,

Hành khan hoàng bàng xuất triều đình.
Ninh tương hồng mặt thủy thiên cô,
Lãn tiếu đương niên Tạ Liễu Thanh.

(Dụng Đỗ Tôn Trai vận, trình thí viện chur công)

(Còn mừng là anh tài đã được kén chọn rồi/ Sau đây sẽ thấy bàng vàng từ triều đình ban ra/ Thà đem nét ghi bia đồ để lại nghìn xưa/ Chứ chớ muốn cười Tạ Liễu Thanh năm ấy - Dùng vận thơ của ông Đỗ Tôn Trai làm thơ gửi các ông trong trường thi), (Đào Phương Bình, 1978, tr. 194).

Căn cứ lời thơ, chúng ta hiểu Trần Nguyên Đán bày tỏ quan điểm muốn khích lệ, thu hút được những người có tài đức thực sự ra phụng sự phò giúp, triều đình và những người nắm giữ trọng trách công việc phải có thái độ cầu thị, xem trọng nhân tài, có các chính sách đãi ngộ đặc biệt mời gọi, trao cơ hội để họ có điều kiện phát huy tài năng... Do vậy, ngoài việc triều đình trải đường hoa chào đón; ban thưởng bổng lộc, tước vị; tổ chức vinh quy bái tổ; việc khắc bia tiến sĩ lưu danh hậu thế, động viên người đỗ đạt là việc làm rất cần thiết mà thông qua các quan chủ khảo Trần Nguyên Đán mong muốn triều đình, những người trực tiếp thực thi công việc hiểu được, để cùng thúc đẩy chính sách trọng dụng nhân tài trở nên thực tế và nhất quán hơn. Dĩ nhiên, ở giai đoạn Văn Trần, khi phần lớn những con người “nặng óc bảo thủ” (Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hoà, 1996, tr. 76) đang nắm giữ quyền lực thì những mong muốn của Trần Nguyên Đán sẽ rất khó trở thành hiện thực.

Đề tổ chức khắc bia tiến sĩ, lưu danh bậc hiền tài là việc triều đình có thể làm bất cứ khi nào, nó không phải là việc làm quá khó khăn và tốn kém. Nhưng khi nho sĩ vẫn chưa thực sự được triều đình, các bậc hoàng đế tin tưởng trao trọng trách, thì một việc làm tương như dễ dàng đó sẽ không bao giờ có thể thực hiện được. Do vậy, chúng ta có thể hiểu được nội tâm, điều luôn canh cánh trong nỗi niềm của Trần Nguyên Đán, làm cho ông từng nhiều đêm mất ngủ, đó là bằng cách nào để khắc phục sự khủng hoảng của xã hội cuối đời Trần. Vậy, với Trần Nguyên Đán, không có cách nào khả thi hơn việc triều đình phải thực sự trọng thị nhân tài, công nhận tài năng của nho sĩ; xem họ là lực lượng trí thức mới tiên bộ, để khích lệ tài năng, lòng trung thành, động viên họ cùng triều đình, cùng các bậc đế vương chuyển xoay thời thế, trung hưng lại vương nghiệp họ Trần.

Trọng dụng nhân tài, đặc biệt là nho sĩ đã trở thành tâm nguyện của Trần Nguyên Đán. Kể từ khi cáo quan về Côn Sơn ẩn cư (1385) cho đến khi qua đời (1390), niềm kỳ vọng của ông vào nho sĩ luôn

là nổi niềm thường trực và mạnh mẽ nhất. Trần Nguyên Đán ví họ như “bầy chim phượng bay lên chín tầng mây”, họ sẵn sàng thực hiện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ một khi nhận được sự tin tưởng từ triều đình, từ các bậc đế vương:

Chí sĩ ninh từ đạo hải nguy,
Cao cao tràng khiêu nhậm thiên nghê.
Sương soa thử lạp thù minh chúa,
Hồ lạc xà khu úy viễn lê.

(Canh Tân Bình An phủ Phạm công Sư Mạnh
"Tân Bình thư sự" vịnh)

(Người chí sĩ đâu chịu chối từ cái nguy vượt biển/
Cát cao tiếng hát với tất cả lòng mình/ Mang
toi sương, đội nón nắng, đèn đáp minh chúa/ Vào
hang hùm, tới ổ rắn, yên ủi dân xa - *Họa vịnh bài
thơ "Tân Bình thư sự" của quan An phủ sư trấn
Tân Bình Phạm Sư Mạnh*), (Đào Phương Bình,
1978, tr. 204).

Như vậy, đến đây chúng ta có thể khẳng định các quan niệm của Trần Nguyên Đán về giáo dục, khoa cử và trọng dụng nhân tài là những vấn đề rất có ý nghĩa, mang tính thời sự của thời đại ông. Nó thể hiện quan niệm về một nền giáo dục thống nhất, rộng khắp, phát huy được mọi nguồn lực trí tuệ của con người đóng góp cho đất nước; trên tinh thần “khoan thứ rộng mở”, lấy Quốc tử giám làm trung tâm; xem trọng việc thể chế hóa hệ thống khoa cử, tôn vinh “đạo học”, đề cao đức “hiếu trung”, trọng dụng nhân tài phát triển đất nước,... với một niềm mong ước thật giản dị của người trí thức dân tộc Trần Nguyên Đán: “*Từ hải xuân phong lạc nhất gia*” (Chỉ xin chúc bốn bề một nhà vui trong gió xuân), (Đào Phương Bình, 1978, tr. 151).

3 KẾT LUẬN

Tìm hiểu Trần Nguyên Đán, chúng tôi được biết phần lớn cuộc đời ông gắn bó với vận mệnh của vương triều và đất nước. Được xem là nhà tư tưởng, người có khả năng nắm bắt xu thế phát triển của thời đại, quan niệm của Trần Nguyên Đán cho thấy giáo dục là nguồn gốc sản sinh nhân tài, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của mỗi quốc

gia. Vào cuối thế kỷ XIV, thời thế đã đổi thay, cùng với vị trí của tư tưởng Khổng - Mạnh được khẳng định, Nho sĩ dần trở thành lực lượng “trí thức mới” (Trần Ngọc Vương, 1998, tr. 176), có uy tín và vị thế trong đời sống xã hội. Do đó, với khả năng “tiên kiến” (Nguyễn Trãi, 1958, tr. 105), tầm nhìn xa trông rộng, Trần Nguyên Đán đã luôn dành sự quan tâm đặc biệt của mình đến giáo dục, khoa cử và trọng dụng nhân tài. Bởi lẽ quan Tư đồ nhận thức được vai trò tích cực của giáo dục với sự phát triển đất nước. Các ý kiến của ông, tuy chưa tạo ra những đột phá lớn, mang tính cải cách, nhưng vẫn được xem là điểm sáng trong bối cảnh xã hội khủng hoảng cuối đời Trần, phần nào có sự tác động và ảnh hưởng nhất định đến chủ trương cải cách giáo dục của Hồ Quý Ly cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV. Theo chúng tôi, đến hôm nay quan niệm của Trần Nguyên Đán vẫn còn gọi cho chúng ta nhiều bài học có giá trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Huy Bích, 1958. Hoàng Việt thi văn tuyển, tập 2, Nxb Văn hoá, Hà Nội, 146 trang.
- Đào Phương Bình, Phạm Đức Duật, Trần Nghĩa..., 1978. Thơ văn Lý – Trần, tập III, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 822 trang.
- Phan Huy Chú, 2007. Lịch triều hiến chương loại chí, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 987 trang.
- Ngô Sĩ Liên, 2009. Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 659 trang.
- Trần Lê Sáng, 1982. Cuộc đời và thơ văn Chu Văn An, Nxb Hà Nội, 203 trang.
- Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hoà, 1996. Cải cách của Hồ Quý Ly, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 221 trang.
- Nguyễn Hoàng Thân, 2007. Bước đầu tìm hiểu tâm trạng Trần Nguyên Đán trước thời cuộc khủng hoảng suy tàn, Tạp chí Hán Nôm, Số 1 (80), Tr 18-26.
- Trần Thuận, 2014. Tư tưởng Việt Nam thời Trần, Nxb Tổng hợp, TP. HCM, 293 trang.
- Hồ Nguyên Trùng, 1999. Nam Ông Mộng Lục, Nxb Văn học, Hà Nội, 306 trang.
- Trần Ngọc Vương, 1998. Văn học Việt Nam - Dòng riêng giữa nguồn chung, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 405 trang.